

Bản án số: 211/2019/DS-ST  
Ngày: 25-6-2019  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thúy Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Quý
2. Bà Phan Thị Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Quang là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Võ Hồng Duyên - Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* bà Thùy TNguyễn Thị Thanh M; Địa chỉ: Đường A, phường L, Quận A, Thành phố H

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân M1; Địa chỉ: Đường A, phường L, Quận A, Thành phố H; là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2018)

*2. Bị đơn:* Bà Lê Thị Hồng H; Địa chỉ: Đường B, phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

*(Bà M1 có mặt; bà H vắng mặt)*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 17/7/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Xuân M1 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh M và bà Lê Thị Hồng H quen biết từ năm 2015. Tháng 03/2017, thấy hoàn cảnh của bà H khó khăn nên bà M cho bà H mượn tiền để lấy vốn làm ăn.

Ngày 11/02/2018, bà H viết giấy xác nhận còn nợ của bà M tổng cộng 55.000.000 đồng và cam kết đầu tháng 4/2018 sẽ trả. Tuy nhiên, đã hết thời hạn cam kết nhưng bà H không trả nợ như đã hứa nên nguyên đơn khởi kiện.

Yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà H thanh toán tổng số tiền tạm tính đến tháng 9/2018 là 59.374.640 đồng, trong đó: Gốc 55.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 913.000 đồng, tiền lãi đối với lãi chậm trả 37.890 đồng và lãi quá hạn 3.423.750 đồng. Lãi tiếp tục tính từ tháng 10/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Lê Thị Hồng H: Dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn xác định nguyên đơn yêu cầu bà H trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/6/2019) là 61.391.000 đồng, gồm: Gốc 55.000.000 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 25/4/2018 đến 25/6/2019 là 6.391.000 đồng, với mức lãi suất là 0.83%/tháng. Yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trừ việc vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà M yêu cầu bà H trả số tiền vay còn nợ và bà H có cư trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

\* Về thủ tục tố tụng:

Tại bản tự khai ngày 18/9/2018, bản tự khai ngày 29/9/2018 thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông Phạm Văn K là chồng của nguyên đơn đều xác định: Số tiền bà M cho bà H vay là tiền riêng của bà M, không liên quan gì đến ông K.

Tại bản tự khai ngày 18/4/2019, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn chỉ cho cá nhân bà H vay, không yêu cầu trách nhiệm liên đới đối với chồng bà H. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà H không đến Tòa, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những căn cứ trên, Tòa án không đưa ông K và chồng của bà H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự

Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H

\* Về nội dung vụ án:

[1] Xét nguyên đơn yêu cầu bà H thanh toán số tiền gốc còn nợ là 55.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ giấy cam kết ngày 11/02/2018 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn thì đủ cơ sở kết luận: Quan hệ cho vay tài sản giữa bà H và bà M là có thật và tự nguyện. Ngày 11/02/2018, bà H viết giấy xác nhận còn nợ bà M là 55.000.000 đồng và hẹn đầu tháng 4 sẽ thanh toán hết. Tuy nhiên bà H không thực hiện đúng cam kết.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc còn nợ là 55.000.000 đồng cho bà Mai.

[2] Xét nguyên đơn yêu cầu buộc bà H trả số tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 25/04/2018 đến ngày 25/6/2019 theo mức lãi suất 0.83%/tháng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giấy cam kết ngày 11/02/2018 chỉ có nội dung xác nhận số tiền còn nợ và thời hạn thanh toán nợ, không thỏa thuận về mức lãi suất cho vay. Do đó, đây là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi.

Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: ... *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay*

*có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả...”*

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: ... *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ...”*

Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: *“...các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”*

Do đó, bà M yêu cầu bà H trả tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng tương đương 0.83%/tháng x 12 tháng = 9.96%/năm. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho phía bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét, giấy cam kết ngày 11/12/2018 bà H đã ghi: *“...Tôi hứa với chị M là đầu tháng 4 tôi trả cho chị M”*... Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu được tính lãi bắt đầu từ ngày 25/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/6/2019) tương đương 14 tháng là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà H phải trả số tiền lãi là: 55.000.000 đồng x 14 tháng x 0.83%/tháng = 6.391.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: (55.000.000 đồng + 6.391.000 đồng) x 5% = 3.069.550 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 147, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M đối với bị đơn Lê Thị Hồng H.

Bà Lê Thị Hồng H có trách nhiệm thanh toán một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho bà Nguyễn Thị Thanh M tổng số tiền vay còn nợ theo Giấy cam kết ngày 11/02/2018 là 61.391.000 (Sáu mươi một triệu ba trăm chín mươi một ngàn) đồng, trong đó: gốc 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng và lãi quá hạn 6.391.000 (Sáu triệu ba trăm chín mươi một ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

## 2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 3.069.550 (Ba triệu không trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm năm mươi) đồng, bà Lê Thị Hồng H chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thanh M 1.544.600 (Một triệu năm trăm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị Thanh M có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Hồng H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.9;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.9;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thúy Quỳnh**